KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 1

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Bùi Dương Anh	120001	8	5.75	9	7			**24**	2	TLHS	12C2
2	Nguyễn Thanh Phong	120002	6.8	7.5	7.25	8.5			**22.6**	7	TLHS	12C4
3	Đỗ Thị Minh Anh	120003	7.6	6	8			5	**21.6**	52	TLH	12C4
4	Đỗ Xuân Đạt	120004	7.4	5.5	6.75			6	**20.2**		TLH	12C4
5	Nguyễn Vĩnh Khang	120005	6.4	7.5	8.5			6.2	**22.4**	42	TLH	12C1
6	Trần Quang Phát	120006	7.6	5.75	8.5			6.2	**22.3**		TLH	12C1
7	Doãn Phương Anh	120007	4.4		6.75	7.5			**18.7**	8	THS	12C4
8	Nguyễn Thị Chúc	120008	6.4		8.5	8			**22.9**	6	THS	12C4
9	Trịnh Hữu Đức	120009	7.8		7.25	8.5			**23.6**	4	THS	12C4
10	Lê Kim Hằng	120010	7.8		8.75	7			**23.6**	4	THS	12C3
11	Phan Thị Hanh	120011	8.4		9.25	8.5			**26.2**	1	THS	12C3
12	Đỗ Huy Hoàng	120012									THS	12C4
13	Trịnh Khánh Huyền	120013	7.2		8.25	8.25			**23.7**	3	THS	12C2
14	Đàm Hoàng Lĩnh	120014	5.6		7	6			**18.6**	9	THS	12C2
15	Trịnh Huyền Trang	120015	6.2		5	6.5			**17.7**	10	THS	12C1
16	Nguyễn Tiến Hòa	120016	5.4		4.5			5.2	**15.1**		THA	12C9
17	Nguyễn Khánh Linh	120017	6					5.8	**11.8**		THA	12C4
18	Bùi Minh An	120018	6.6	7.25	9.75				**23.6**	16	TLH	12C1
19	Đỗ Thị Vi Anh	120019	7.8	6.25	7.5				**21.6**	55	TLH	12C1
20	Lê Ngọc Tuấn Anh	120020	6.4	6	5.75				**18.2**	94	TLH	12C1
21	Lương Huy Anh	120021	6.2	3.5	4.25				**14**	118	TLH	12C6

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 2

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Đặng Tuấn Anh	120022	7.4	7.75	8.25				**23.4**	22	TLH	12C1
2	Nguyễn Hoàng Anh	120023	8.4	6.5	7.5				**22.4**	42	TLH	12C2
3	Nguyễn Hoàng Anh	120024	6.8	6.5	7				**20.3**	71	TLH	12C4
4	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	120025	5	5.75	6.5				**17.3**	99	TLH	12C4
5	Nguyễn Tuấn Anh	120026	8.4	7.75	8				**24.2**	11	TLH	12C3
6	Phạm Trung Anh	120027	8.6	8.25	8.5				**25.4**	3	TLH	12C1
7	Phùng Ngọc Anh	120028	7.2	6.5	8.75				**22.5**	41	TLH	12C4
8	Dương Thị Ngọc Ánh	120029	8	7	7.25				**22.3**	44	TLH	12C1
9	Cao Viết Chung	120030	7.6	6.75	7.25				**21.6**	52	TLH	12C4
10	Nguyễn Thành Chung	120031	7.6	7.25	8.75				**23.6**	16	TLH	12C3
11	Đỗ Quốc Cường	120032	6.8	7	8				**21.8**	51	TLH	12C1
12	Lê Đình Cường	120033	5.6	6.5	7.5				**19.6**	84	TLH	12C1
13	Nguyễn Thái Cường	120034	6.6	4.75	6				**17.4**	98	TLH	12C4
14	Lê Viết Đạt	120035	8.4	8	8.25				**24.7**	7	TLH	12C1
15	Hoàng Mạnh Đức	120036	6.4	6.75	8				**21.2**	62	TLH	12C2
16	Lê Minh Đức	120037	7.4	7.5	7.75				**22.7**	34	TLH	12C3
17	Vũ Linh Đức	120038	6.6	6	8.75				**21.4**	59	TLH	12C1
18	Nguyễn Lê Mỹ Dung	120039	8.8	5.75	5.75				**20.3**	71	TLH	12C3
19	Nguyễn Sỹ Dũng	120040	6.2	5.5	6.5				**18.2**	93	TLH	12C4
20	Quách Trí Dũng	120041	5.2	3.25	5				**13.5**	125	TLH	12C8
21	Trịnh Quốc Dũng	120042	7.6	5.5	7.75				**20.9**	66	TLH	12C1
22	Trịnh Việt Dũng	120043	6.8	4.25	4.75				**15.8**	107	TLH	12C3
23	Chu Hoàng Dương	120044	8.6	9	9.25				**26.9**	1	TLH	12C1
24	Hoàng Ánh Dương	120045	8	7.25	8.5				**23.8**	15	TLH	12C1

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 3

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Minh Dương	120046	8	7.25	9.25				**24.5**	8	TLH	12C2
2	Trịnh Quang Dương	120047	6.6	5.5	9.5				**21.6**	52	TLH	12C1
3	Nguyễn Anh Duy	120048	6.8	6	6				**18.8**	92	TLH	12C2
4	Hoàng Hương Giang	120049	7.6	5.75	6.5				**19.9**	78	TLH	12C2
5	Nguyễn Văn Hải	120050	7.8	7.75	7.5				**23.1**	26	TLH	12C2
6	Nguyễn Văn Hải	120051	7.2	5.25	4.75				**17.2**	100	TLH	12C7
7	Lê Việt Hằng	120052	8.2	5.75	8.75				**22.7**	32	TLH	12C1
8	Dương Đình Hiệp	120053	6.2	7	6.5				**19.7**	80	TLH	12C1
9	Nguyễn Duy Hiếu	120054	8.4	6.75	9				**24.2**	11	TLH	12C2
10	Nguyễn Minh Hiếu	120055	8	6.75	8.5				**23.3**	24	TLH	12C2
11	Nguyễn Sỹ Hòa	120056	7.8	7.5	8				**23.3**	23	TLH	12C2
12	Lê Việt Hoàng	120057	8	6.75	8.25				**23**	27	TLH	12C2
13	Nguyễn Kim Hoàng	120058	6.8	7	7.75				**21.6**	55	TLH	12C4
14	Dương Thị Hồng	120059	7.4	4.75	6.75				**18.9**	91	TLH	12C4
15	Nguyễn Hữu Hợp	120060	7.8	8	9.25				**25.1**	6	TLH	12C2
16	Lê Huy Hùng	120061	7.8	7.25	8.5				**23.6**	20	TLH	12C2
17	Nguyễn Anh Hùng	120062	7.4	5.25	7.25				**19.9**	76	TLH	12C2
18	Chu Đình Hưng	120063	7.2	6.25	7.25				**20.7**	68	TLH	12C8
19	Lê Minh Hưng	120064	7.6	6.75	9.25				**23.6**	16	TLH	12C3
20	Nguyễn Hữu Giao Huy	120065	7.4	8	8.75				**24.2**	11	TLH	12C1
21	Phạm Quốc Huy	120066	7	6.5	5.75				**19.3**	88	TLH	12C3
22	Bùi Khắc Tuấn Khải	120067	7.6	7.5	8.5				**23.6**	16	TLH	12C3
23	Đỗ Việt Khánh	120068	7	5.25	7.75				**20**	74	TLH	12C4
24	Hoàng Trung Kiên	120069	7	5.75	7				**19.8**	79	TLH	12C1

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 4

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Trịnh Bá Lâm	120070	7.2	7	8.5				**22.7**	32	TLH	12C4
2	Nguyễn Hữu Linh	120071	7.2	7	7.75				**22**	48	TLH	12C2
3	Trịnh Hồng Linh	120072	6.4	4.75	7				**18.2**	94	TLH	12C1
4	Nguyễn Hữu Lộc	120073	4.4	2	4				**10.4**	161	TLH	12C1
5	Hoàng Nguyễn Hải Long	120074	6.8	6.75	6.75				**20.3**	71	TLH	12C1
6	Nguyễn Đức Long	120075	7.6	6.25	8				**21.9**	49	TLH	12C1
7	Tống Khánh Ly	120076	8.2	6	7.25				**21.5**	58	TLH	12C1
8	Bùi Công Minh	120077	7	6.75	7				**20.8**	67	TLH	12C2
9	Nguyễn Đức Minh	120078	7.4	5.5	7.5				**20.4**	70	TLH	12C1
10	Nguyễn Văn Minh	120079	8	6.5	8				**22.5**	38	TLH	12C2
11	Nguyễn Đăng Mưu	120080	6.6	5.5	7.5				**19.6**	84	TLH	12C8
12	Nguyễn Trà My	120081	6.4	5.5	7.5				**19.4**	87	TLH	12C2
13	Lê Xuân Hoài Nam	120082	6.6	7.25	7.25				**21.1**	63	TLH	12C4
14	Nguyễn Đức Nam	120083	7.6	8.75	9				**25.4**	3	TLH	12C1
15	Lê Đình Phong	120084	8	5.5	7				**20.5**	69	TLH	12C3
16	Lê Thanh Phong	120085	9	8	8.25				**25.3**	5	TLH	12C2
17	Nguyễn Ngọc Phong	120086	7	6.5	6.5				**20**	74	TLH	12C7
18	Bùi Sỹ Quang Phú	120087	7	8	7.75				**22.8**	30	TLH	12C1
19	Đào Minh Phúc	120088	6	7	9.5				**22.5**	38	TLH	12C1
20	Dương Thị Lan Phương	120089	8.8	8	7.5				**24.3**	10	TLH	12C2
21	Dương Thị Thúy Quỳnh	120090	8.4	7.5	8.25				**24.2**	11	TLH	12C2
22	Nguyễn Thị Quỳnh	120091	5	4.75	7.25				**17**	102	TLH	12C4
23	Nguyễn Thị Như Quỳnh	120092	8	6.25	8.25				**22.5**	38	TLH	12C2
24	Nguyễn Việt Sơn	120093	6.8	5.5	6.75				**19.1**	90	TLH	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 5

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Phạm Thị Thắm	120094	8	5.75	8.5				**22.3**	44	TLH	12C2
2	Nguyễn Hữu Thắng	120095	6.2	5	6.25				**17.5**	97	TLH	12C1
3	Tào Văn Thắng	120096	7.4	6	6.25				**19.7**	81	TLH	12C2
4	Trần Chiến Thắng	120097	6.8	7	7.5				**21.3**	60	TLH	12C4
5	Đàm Khắc Thanh	120098	7.8	6.5	7.75				**22.1**	47	TLH	12C2
6	Trần Nhật Thành	120099	7.4	8	7.5				**22.9**	29	TLH	12C2
7	Lê Phương Thảo	120100	7.6	6	6				**19.6**	84	TLH	12C3
8	Nguyễn Tiến Thịnh	120101	5.6	3.25	5.25			5.2	**16.1**		TLH	12C8
9	Đinh Hữu Thuận	120102	6.4	4.75	6				**17.2**	101	TLH	12C11
10	Lê Thủy Tiên	120103	7	7.25	9				**23.3**	24	TLH	12C2
11	Lê Trung Tiến	120104	5.4	5.5	8.75				**19.7**	81	TLH	12C1
12	Lê Ngọc Toản	120105	6.8	7	7.5				**21.3**	60	TLH	12C4
13	Dương Thị Hiền Trang	120106	8.6	9	9.25				**26.9**	1	TLH	12C2
14	Nguyễn Thị Trang	120107	7.6	6.75	8.25				**22.6**	36	TLH	12C1
15	Trần Thùy Trang	120108	7.4	6.75	8.5				**22.7**	34	TLH	12C2
16	Bùi Anh Tú	120109	6.8	6.5	7.75				**21.1**	64	TLH	12C7
17	Đoàn Thanh Tuấn	120110	8.2	6.5	8.25				**23**	28	TLH	12C1
18	Dương Bá Tuấn	120111	8.2	6	6.75				**21**	65	TLH	12C4
19	Nguyễn Khánh Tùng	120112	6.4	6.5	7				**19.9**	76	TLH	12C1
20	Trương Minh Tuyên	120113	7	7.75	7.5				**22.3**	44	TLH	12C2
21	Hà Long Việt	120114	8.4	7.75	8.25				**24.4**	9	TLH	12C2
22	Hoàng Bùi Đức Việt	120115	8.2	5.5	5.5				**19.2**	89	TLH	12C3
23	Đoàn Thành Vinh	120116	7	7	9.5				**23.5**	21	TLH	12C2
24	Mai Hà Vy	120117	7.8	6.5	8.25				**22.6**	37	TLH	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 6

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Hoàng An	120118									TLA	12C6
2	Nguyễn Thúy An	120119	6.4	7.5				6.2	**20.1**	54	TLA	12C12
3	Phạm Hồng An	120120	7.4	5.25				6.2	**18.9**	92	TLA	12C1
4	Bùi Phương Anh	120121	7.2	5.5				7.2	**19.9**	62	TLA	12C8
5	Hồ Đức Anh	120122	6.4	3.5				7	**16.9**	137	TLA	12C6
6	Lê Đức Anh	120123	7	5				7.2	**19.2**	81	TLA	12C7
7	Lê Đức Anh	120124	6.4	6.5				8	**20.9**	32	TLA	12C7
8	Lê Quỳnh Anh	120125	7	4.25				6.6	**17.9**	114	TLA	12C7
9	Lê Thị Hải Anh	120126	7.8	6.25				6	**20.1**	59	TLA	12C8
10	Ngô Quốc Anh	120127	8	4.5				7.2	**19.7**	67	TLA	12C8
11	Nguyễn Gia Việt Anh	120128	7.2	6.25				3.6	**17.1**	135	TLA	12C8
12	Nguyễn Hải Anh	120129	6.8	5.5				6.8	**19.1**	82	TLA	12C5
13	Nguyễn Lương Hoàng Anh	120130	6.8	6.25				5.2	**18.3**	107	TLA	12C7
14	Nguyễn Mai Anh	120131	7.2	6.25				6.2	**19.7**	70	TLA	12C3
15	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	120132	5.8	5.25				5.2	**16.3**	154	TLA	12C5
16	Nguyễn Tiến Anh	120133	8.4	7.75				5.8	**22**	17	TLA	12C5
17	Vũ Thị Quỳnh Anh	120134	6.8	7				5.4	**19.2**	80	TLA	12C6
18	Hồ Thị Ngọc Ánh	120135	6.4	6				7	**19.4**	78	TLA	12C5
19	Nguyễn Ngọc Bằng	120136		6.75					**6.75**		TLA	12C5
20	Hoàng Thiện Cầm	120137	6.4	6				6	**18.4**	104	TLA	12C7
21	Lê Linh Chi	120138	7.4	6.5				5.2	**19.1**	82	TLA	12C6
22	Lê Linh Chi	120139	6.4	5.25				5.8	**17.5**	125	TLA	12C7
23	Ngô Sỹ Công	120140	6	6.25				6.4	**18.7**	96	TLA	12C1
24	Vũ Lê Cử	120141	6.8	6				8.6	**21.4**	23	TLA	12C7
25	Đinh Xuân Cường	120142	6.2	5.5				6.8	**18.5**	102	TLA	12C6

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 7

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Hoàng Quốc Cường	120143	5.8	3.75				7.8	**17.4**	128	TLA	12C5
2	Nguyễn Hùng Cường	120144	6.6	5.75				5	**17.4**	128	TLA	12C6
3	Nguyễn Quốc Cường	120145	6.2	5				6	**17.2**	133	TLA	12C7
4	Nguyễn Viết Đạt	120146	6.4	5.5				5	**16.9**	137	TLA	12C8
5	Phạm Trọng Đạt	120147	6.4	6.5				6.2	**19.1**	82	TLA	12C5
6	Trần Đỗ Đạt	120148	5.8	4.25				5.2	**15.3**	161	TLA	12C5
7	Trần Việt Đức	120149	5.8	3.5				5.4	**14.7**	165	TLA	12C6
8	Hà Mỹ Dung	120150	6.6	5.5				5	**17.1**	134	TLA	12C5
9	Nguyễn Tiến Dũng	120151	6.2	5.5				6.6	**18.3**	106	TLA	12C5
10	Cao Thị Dương	120152	8	5.75				5.2	**19**	89	TLA	12C8
11	Hoàng Thái Dương	120153	6	5				8	**19**	88	TLA	12C10
12	Lê Thị Thùy Dương	120154	6.8	6.25				4.4	**17.5**	122	TLA	12C6
13	Nguyễn Thùy Dương	120155	7.2	4				5.6	**16.8**	143	TLA	12C8
14	Lê Thị Minh Duyên	120156	7.2	6.25				5.6	**19.1**	87	TLA	12C4
15	Lê Hương Giang	120157	8	8				6.8	**22.8**	10	TLA	12C5
16	Lê Thị Linh Giang	120158	7	7.5				8.2	**22.7**	11	TLA	12C7
17	Nguyễn Thu Hà	120159	6.8	7				8.4	**22.2**	16	TLA	12C7
18	Phạm Quang Hà	120160	8.8	5.25				6.8	**20.9**	34	TLA	12C3
19	Doãn Thị Minh Hằng	120161	6.2	4.75				5.2	**16.2**	156	TLA	12C6
20	Nguyễn Thị Hạnh	120162	6.2	7				5.4	**18.6**	97	TLA	12C5
21	Nguyễn Thị Hậu	120163	7.6	3.5				3.4	**14.5**	167	TLA	12C8
22	Nguyễn Thị Kim Hậu	120164	7	6.5				6.6	**20.1**	54	TLA	12C7
23	Hà Thị Thu Hiền	120165	7.2	7.5				6.4	**21.1**	27	TLA	12C5
24	Hoàng Thị Hiền	120166	8.2	6.75				5	**20**	60	TLA	12C2
25	Ninh Quốc Hiệp	120167	7	5				6.6	**18.6**	97	TLA	12C8

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 8

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Vương Xuân Hiệp	120168	7.4	8.5				7.8	**23.7**	2	TLA	12C5
2	Lê Trung Hiếu	120169	8	6.25				8.4	**22.7**	12	TLA	12C7
3	Nguyễn Lê Trung Hiếu	120170	6.8	4				5.8	**16.6**	148	TLA	12C11
4	Nguyễn Thị Hoa	120171	7.4	4.5				5.4	**17.3**	132	TLA	12C3
5	Đặng Đức Hoàng	120172	7.2	5				8	**20.2**	49	TLA	12C3
6	Lê Việt Hoàng	120173	7.4	7.25				8.4	**23.1**	7	TLA	12C2
7	Lê Vũ Hoàng	120174	6	2.5				7	**15.5**	159	TLA	12C7
8	Đỗ Thành Hưng	120175	7.2	4.75				6.6	**18.6**	101	TLA	12C8
9	Lại Lê Hưng	120176	6.6	6.75				6.8	**20.2**	51	TLA	12C7
10	Lê Tuấn Hưng	120177	8.2	7.5				7.4	**23.1**	6	TLA	12C3
11	Nguyễn Thị Hương	120178	6.8	6.25				6.6	**19.7**	70	TLA	12C8
12	Hà Minh Huy	120179	7.8	8.25				7.6	**23.7**	3	TLA	12C6
13	Hàn Lâm Huy	120180	6.8	6.25				7.8	**20.9**	34	TLA	12C3
14	Lê Văn Huy	120181	7	5.75				8.4	**21.2**	26	TLA	12C3
15	Phạm Quang Huy	120182	7.2	4.5				8.8	**20.5**	43	TLA	12C3
16	Phạm Xuân Huy	120183	7	6.5				8.2	**21.7**	20	TLA	12C6
17	Vũ Khắc Huy	120184	7.2	6				6.4	**19.6**	72	TLA	12C6
18	Nguyễn Ngọc Khang	120185	7	6				7.4	**20.4**	44	TLA	12C1
19	Dương Văn Khánh	120186	7.2	6.5				7.2	**20.9**	32	TLA	12C2
20	Nguyễn Thị Khánh	120187	8.2	5.75				5.4	**19.4**	79	TLA	12C8
21	Nguyễn Đăng Khoa	120188	7	5.75				7.4	**20.2**	51	TLA	12C6
22	Hoàng Minh Khuê	120189	6.8	6.75				7.2	**20.8**	38	TLA	12C1
23	Đàm Trung Kiên	120190	7.2	6.25				8.2	**21.7**	21	TLA	12C5
24	Lê Đình Lâm	120191	6.8	4.75				5.8	**17.4**	128	TLA	12C6
25	Nguyễn Đình Phúc Lâm	120192	7.6	6.25				9	**22.9**	9	TLA	12C5

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 9

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Tùng Lâm	120193	6.8	6				3.8	**16.6**	148	TLA	12C3
2	Dương Khánh Linh	120194	7.2	5.5				4.2	**16.9**	137	TLA	12C5
3	Dương Thị Chúc Linh	120195	6.2	5.75				6	**18**	111	TLA	12C4
4	Dương Thị Thùy Linh	120196	7	6.75				6.6	**20.4**	45	TLA	12C5
5	Hà Khánh Linh	120197	7.2	6.75				5.8	**19.8**	66	TLA	12C3
6	Lê Nhật Linh	120198	6.8	6.75				7.4	**21**	30	TLA	12C1
7	Lê Thị Linh	120199	8.8	8.5				5	**22.3**	15	TLA	12C3
8	Lê Thùy Linh	120200	8	8				4.2	**20.2**	49	TLA	12C5
9	Lê Thùy Linh	120201	7.6	5.75				5.4	**18.8**	95	TLA	12C6
10	Lê Thùy Linh	120202	6	5.75				5.8	**17.6**	120	TLA	12C7
11	Mai Thùy Linh	120203	5	5.25				4.4	**14.7**	166	TLA	12C7
12	Nguyễn Tuấn Linh	120204	6.8	5				4.8	**16.6**	148	TLA	12C7
13	Phạm Thùy Linh	120205	7.4	5.5				9	**21.9**	18	TLA	12C12
14	Nguyễn Hoàng Long	120206	6.4	3.75					**10.2**	175	TLA	12C2
15	Nguyễn Thành Long	120207	6.2	4.75				5.8	**16.8**	144	TLA	12C7
16	Bùi Lê Ngọc Mai	120208	8.4	6				6.8	**21.2**	25	TLA	12C10
17	Lê Ngọc Mai	120209	6.4	5.5				7.8	**19.7**	67	TLA	12C7
18	Nguyễn Ngọc Mai	120210	6.6	6.5				6	**19.1**	82	TLA	12C6
19	Trịnh Thị Ngọc Mai	120211	8.2	6.75				6	**21**	31	TLA	12C6
20	Cao Ngọc Mạnh	120212	5	5.5				3.8	**14.3**	168	TLA	12C8
21	Hoàng Anh Minh	120213	6.2	6.75				6	**19**	89	TLA	12C4
22	Lê Anh Minh	120214	6	4.75				5.6	**16.4**	152	TLA	12C5
23	Lê Hải Minh	120215	7.2	5.25				5	**17.5**	125	TLA	12C7
24	Nguyễn Đăng Nhật Minh	120216	6.4	6				5.8	**18.2**	108	TLA	12C7
25	Nguyễn Lữ Anh Minh	120217	6.8	6				7.4	**20.2**	48	TLA	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 10

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Quang Minh	120218	5	4.25				2.8	**12.1**	174	TLA	12C11
2	Nguyễn Tuấn Minh	120219	6	4.75				7.4	**18.2**	109	TLA	12C7
3	Trần Bình Minh	120220	6.8	4.75				6	**17.6**	120	TLA	12C8
4	Trần Đức Minh	120221	6.4	4				3.6	**14**	171	TLA	12C1
5	Trương Nhật Minh	120222									TLA	12C6
6	Vũ Đặng Tường Minh	120223	6.2	4.75				4.4	**15.4**	160	TLA	12C3
7	Hoàng Hà My	120224	8	6.25				7.4	**21.7**	21	TLA	12C7
8	Lê Thị Trà My	120225	8.6	7.25				7.6	**23.5**	4	TLA	12C10
9	Nguyễn Trà My	120226	6.8	5.75				5.2	**17.8**	116	TLA	12C3
10	Lê Hoài Nam	120227	7.2	3.25				6.4	**16.9**	141	TLA	12C3
11	Trịnh Hoài Nam	120228	7	6.5				5.6	**19.1**	82	TLA	12C6
12	Lê Thị Hằng Nga	120229	7.2	7				5.6	**19.8**	65	TLA	12C11
13	Nguyễn Thị Thanh Ngân	120230	7.4	5.5				3.4	**16.3**	153	TLA	12C6
14	Phạm Minh Nguyệt	120231	6.4	6.25				4.2	**16.9**	141	TLA	12C4
15	Võ Minh Nhật	120232	8.4	8.5				6.4	**23.3**	5	TLA	12C5
16	Nguyễn Lâm Nhi	120233	6.6	6.5				7	**20.1**	54	TLA	12C6
17	Nguyễn Thị Hồng Nhung	120234	6.4	5.75				5.8	**18**	111	TLA	12C6
18	Nguyễn Kỳ Phong	120235	6.4	5.25				6	**17.7**	118	TLA	12C8
19	Nguyễn Ngọc Anh Phong	120236	6.4	3.75				4.8	**15**	163	TLA	12C3
20	Nguyễn Lương Phú	120237	5.6	4.75				5.2	**15.6**	158	TLA	12C3
21	Nguyễn Hà Phượng	120238	7.2	7				6.8	**21**	29	TLA	12C5
22	Trịnh Thị Mai Phượng	120239	7.6	7.25				6.4	**21.3**	24	TLA	12C6
23	Lại Anh Quân	120240	5.8	5.5				5.6	**16.9**	137	TLA	12C7
24	Lê Anh Quân	120241	5.6	5				4.4	**15**	162	TLA	12C8
25	Ngô Anh Quân	120242	7	4.75				3.2	**15**	163	TLA	12C3

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 11

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Khương Hải Quang	120243	8	5				7.6	**20.6**	40	TLA	12C7
2	Chu Hồng Quý	120244	6.8	6				7.8	**20.6**	40	TLA	12C5
3	Hàn Quý Quyền	120245	7.6	6.5				5.6	**19.7**	67	TLA	12C8
4	Nguyễn Hương Quỳnh	120246	6.8	5.5				8	**20.3**	46	TLA	12C7
5	Phạm Thị Diễm Quỳnh	120247	7.2	4.5				8.2	**19.9**	62	TLA	12C5
6	Ngô Văn Sang	120248	8.6	5.25				3.6	**17.5**	125	TLA	12C8
7	Nguyễn Anh Sơn	120249	4.6	2.75				5.8	**13.2**	173	TLA	12C8
8	Hoàng Anh Tài	120250	7.2	6				7.4	**20.6**	40	TLA	12C3
9	Lê Thị Thanh Tâm	120251	7.2	6.25				7.4	**20.9**	34	TLA	12C6
10	Phan Thị Tâm	120252	7.6	8				5.2	**20.8**	37	TLA	12C5
11	Lê Minh Tân	120253	6.8	3.75				7.2	**17.8**	116	TLA	12C7
12	Vũ Nhật Tân	120254	8	6.75				7	**21.8**	19	TLA	12C7
13	Trần Đức Thắng	120255	6.6	6				7	**19.6**	72	TLA	12C3
14	Cao Việt Thành	120256	7.4	6				5.4	**18.8**	94	TLA	12C8
15	Lê Thị Thảo	120257	5.6	3.75				4	**13.4**	172	TLA	12C8
16	Nguyễn Trịnh Minh Thi	120258	7	5.25				4.4	**16.7**	147	TLA	12C4
17	Lê Tiến Thịnh	120259	7.2	3.5				5.8	**16.5**	151	TLA	12C8
18	Lê Vạn Thọ	120260	6	5				6.8	**17.8**	115	TLA	12C6
19	Phạm Thị Thu	120261	6.8	5.75				7	**19.6**	74	TLA	12C5
20	Bùi Minh Thư	120262	7	4.75				5.6	**17.4**	128	TLA	12C8
21	Nguyễn Ngọc Quỳnh Thư	120263	8.6	7				6.8	**22.4**	14	TLA	12C6
22	Nguyễn Thị Thu Thủy	120264	6.2	5.75				6	**18**	111	TLA	12C11
23	Đỗ Ngọc Toàn	120265	8	5.25				7.4	**20.7**	39	TLA	12C6
24	Nguyễn Thị Trâm	120266									TLA	12C8
25	Hoàng Thị Thu Trang	120267	7.6	4.75				7.2	**19.6**	74	TLA	12C7

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 12

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Hà Trang	120268	6.6	6				5	**17.6**	119	TLA	12C6
2	Lê Huyền Trang	120269	6.6	5.75				7.2	**19.6**	74	TLA	12C5
3	Nguyễn Hoàng Thu Trang	120270	6.6	6				4.4	**17**	136	TLA	12C7
4	Nguyễn Thị Trang	120271	7.4	8				8.6	**24**	1	TLA	12C5
5	Trần Hoài Trang	120272	6.8	6.25				4.4	**17.5**	122	TLA	12C6
6	Trần Thị Hồng Trang	120273	6	6.5				4.2	**16.7**	146	TLA	12C4
7	Nguyễn Cao Trường	120274	6.6	5.75				5.8	**18.2**	109	TLA	12C5
8	Hàn Việt Anh Tú	120275	7	7				4.4	**18.4**	104	TLA	12C8
9	Lê Cẩm Tú	120276	7.6	7				8	**22.6**	13	TLA	12C7
10	Lê Việt Tú	120277	7.8	8				7.2	**23**	8	TLA	12C7
11	Nguyễn Thế Tư	120278	5.8	3.5				5	**14.3**	168	TLA	12C8
12	Lê Anh Tuấn	120279	7.2	6.5				7.4	**21.1**	27	TLA	12C3
13	Lê Anh Tuấn	120280	6.8	5.25				4.2	**16.3**	154	TLA	12C8
14	Nguyễn Minh Tuấn	120281	6.8	6.75				6.6	**20.2**	51	TLA	12C5
15	Lê Minh Tùng	120282	6.6	4.5				9	**20.1**	54	TLA	12C6
16	Nguyễn Mạnh Tùng	120283	6.8	4.25				6.4	**17.5**	122	TLA	12C2
17	Nguyễn Ngọc Tùng	120284	7.8	4.75				4.2	**16.8**	144	TLA	12C8
18	Nguyễn Thanh Tùng	120285	6.8	6.25				5.8	**18.9**	92	TLA	12C3
19	Nguyễn Thị Uyên	120286	6	5				4.6	**15.6**	157	TLA	12C4
20	Lê Thị Cẩm Vân	120287	7.6	6.75				5.6	**20**	60	TLA	12C5
21	Dương Quốc Việt	120288	7.4	6.25				4.8	**18.5**	103	TLA	12C4
22	Đặng Đỗ Anh Vũ	120289	6.4	6.75				5.4	**18.6**	100	TLA	12C6
23	Dương Thị Yến	120290	6.6	7				6.2	**19.8**	64	TLA	12C4
24	Ngọ Hải Yến	120291	7	5.5				7.8	**20.3**	46	TLA	12C5

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 13

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lương Hoài An	120292	6.2				7.5	5.8	**19.5**	109	TAV	12C11
2	Nguyễn Khánh An	120293	6.4				7	7.4	**20.8**	67	TAV	12C10
3	Nguyễn Thanh An	120294	6				7.5	8	**21.5**	50	TAV	12C10
4	Nguyễn Thúy An	120295	5.6				7.75	6.2	**19.6**	107	TAV	12C9
5	Phạm Hiếu An	120296	7.2				7.25	8	**22.5**	30	TAV	12C12
6	Trần Từ An	120297	5.4				7.75	7	**20.2**	94	TAV	12C11
7	Biện Thị Hồng Vân Anh	120298	5.8				8	7.4	**21.2**	55	TAV	12C10
8	Cao Ngọc Anh	120299	6.6				8.25	7.2	**22.1**	37	TAV	12C12
9	Đỗ Phương Anh	120300	6.2				7.5	6.8	**20.5**	81	TAV	12C9
10	Dương Thị Ngọc Anh	120301	6.6				8	6.4	**21**	60	TAV	12C12
11	Hoàng Thị Vân Anh	120302	5				7.5	5	**17.5**	166	TAV	12C10
12	Lê Đức Anh	120303					7.5	7.4	**14.9**	200	TAV	12C10
13	Lê Mai Anh	120304					8.25		**8.25**	210	TAV	12C12
14	Lê Phương Anh	120305	8.2				8.25	8.8	**25.3**	1	TAV	12C10
15	Lương Quỳnh Anh	120306	7				7.5	8.8	**23.3**	9	TAV	12C12
16	Lương Thị Hoàng Anh	120307	7.6				7.25	6.6	**21.5**	51	TAV	12C6
17	Lương Thị Mai Anh	120308	6.8				7.5	9	**23.3**	9	TAV	12C12
18	Mai Đức Anh	120309	4.8				5	6	**15.8**	194	TAV	12C8
19	Mai Hà Anh	120310	6.4				7.5	6.8	**20.7**	68	TAV	12C12
20	Mai Lan Anh	120311	7				7.5	6.2	**20.7**	68	TAV	12C12
21	Nguyễn Dương Hải Anh	120312	7.2				7.5	7.8	**22.5**	28	TAV	12C7
22	Nguyễn Hoàng Anh	120313	7				8	8.4	**23.4**	7	TAV	12C12
23	Nguyễn Minh Anh	120314	7				8	8.2	**23.2**	15	TAV	12C10
24	Nguyễn Nam Anh	120315	6				7.75	6.4	**20.2**	94	TAV	12C7

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 14

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Thị Tú Anh	120316	6.2				6.75	5.8	**18.8**	137	TAV	12C11
2	Nguyễn Trâm Anh	120317	6.4				8	6.2	**20.6**	75	TAV	12C12
3	Nguyễn Trịnh Minh Anh	120318	7.4				7.5	8.4	**23.3**	9	TAV	12C12
4	Nguyễn Vũ Phương Anh	120319	5.2				7.5	4.6	**17.3**	172	TAV	12C11
5	Tạ Ngọc Anh	120320									TAV	12C10
6	Trần Phương Anh	120321	5.2				8.25	6.8	**20.3**	90	TAV	12C9
7	Trần Việt Anh	120322	6.4				7.25	7	**20.7**	72	TAV	12C12
8	Vương Quỳnh Anh	120323	6.2				8.25	5.8	**20.3**	90	TAV	12C9
9	Bùi Anh Ba	120324	5.8				7	3.2	**16**	191	TAV	12C11
10	Lê Thị Minh Châu	120325	6.8				8	4.4	**19.2**	121	TAV	12C9
11	Cao Trần Đan Chi	120326					8.25		**8.25**	210	TAV	12C7
12	Đỗ Linh Chi	120327	8.2				8	6.4	**22.6**	26	TAV	12C3
13	Lê Thị Linh Chi	120328	5.8				7.25	5.6	**18.7**	140	TAV	12C9
14	Nguyễn Kim Chi	120329	6				7	4.6	**17.6**	163	TAV	12C10
15	Nguyễn Linh Chi	120330	5.2				7	4.6	**16.8**	182	TAV	12C11
16	Nguyễn Quỳnh Chi	120331	6.2				7	5.4	**18.6**	141	TAV	12C9
17	Nguyễn Thị Mai Chi	120332	5.6				8.25	6.4	**20.3**	90	TAV	12C12
18	Trần Mai Chi	120333	6.6				8	7.2	**21.8**	42	TAV	12C12
19	Nguyễn Thị Tú Cơ	120334	6.8				8	7	**21.8**	42	TAV	12C9
20	Lê Huy Thành Đạt	120335	5.8				8	6.8	**20.6**	75	TAV	12C9
21	Đoàn Minh Đức	120336	4.4				7	6.4	**17.8**	155	TAV	12C5
22	Trần Minh Đức	120337	5.2				7	6.2	**18.4**	143	TAV	12C6
23	Trương Mỹ Dung	120338	6.6				8.5	6.2	**21.3**	53	TAV	12C9
24	Nguyễn Tuấn Dũng	120339	6.8				6.75	5.8	**19.4**	117	TAV	12C7

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 15

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Thùy Dương	120340	6.8				7.5	6.8	**21.1**	56	TAV	12C10
2	Nguyễn Thùy Dương	120341	6.2				7.5	5.2	**18.9**	131	TAV	12C10
3	Nguyễn Cao Kỳ Duyên	120342	4.6				6.75	4.4	**15.8**	195	TAV	12C12
4	Đinh Hương Giang	120343	5.2				6.75		**12**	208	TAV	12C10
5	Đỗ Hà Giang	120344	5.8				6.25	4.8	**16.9**	180	TAV	12C10
6	Hoàng Hương Giang	120345	7.8				7.75	7.8	**23.4**	8	TAV	12C12
7	Nguyễn Linh Giang	120346	6				8.5	6	**20.5**	81	TAV	12C10
8	Hoàng Ngọc Hà	120347	7				7.75	5.4	**20.2**	94	TAV	12C10
9	Nguyễn Ngọc Hà	120348	6.6				8.75	7.2	**22.6**	27	TAV	12C12
10	Nguyễn Thị Thu Hà	120349	6.2				8.5	6.4	**21.1**	56	TAV	12C11
11	Nguyễn Thu Hà	120350	6				7.5	5.2	**18.7**	138	TAV	12C12
12	Trần Thị Thu Hà	120351	7.6				6.25	5	**18.9**	133	TAV	12C8
13	Lê Minh Hằng	120352	7.4				7.5	8	**22.9**	19	TAV	12C9
14	Lê Thị Thu Hằng	120353									TAV	12C10
15	Nguyễn Thị Hằng	120354	6.2				7.5	5	**18.7**	138	TAV	12C11
16	Phạm Trịnh Thu Hằng	120355	5.2				8	3.6	**16.8**	181	TAV	12C11
17	Nguyễn Thị Hạnh	120356	6.6				8.5	8.2	**23.3**	13	TAV	12C12
18	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	120357	6.4				8	7.2	**21.6**	48	TAV	12C12
19	Trương Mỹ Hạnh	120358	6.4				7.25	6.6	**20.3**	90	TAV	12C6
20	Vũ Hồng Hạnh	120359	6.2				7	5.6	**18.8**	136	TAV	12C11
21	Bùi Lê Mai Hiền	120360	6.6				7.75	7.4	**21.8**	44	TAV	12C10
22	Lê Thị Thu Hiền	120361	5.8				8.25	5.6	**19.7**	104	TAV	12C10
23	Lê Thị Hiển	120362	7.2				8	5.8	**21**	60	TAV	12C11
24	Đinh Quang Hiếu	120363	5				7.5	4.6	**17.1**	176	TAV	12C12

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 16

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Đỗ Thị Hòa	120364	6.2				7.75	4.6	**18.6**	142	TAV	12C10
2	Nguyễn Văn Hội	120365	6.6				7.25	5.2	**19.1**	127	TAV	12C10
3	Nguyễn Thị Vân Hồng	120366	7.8				7.5	7.4	**22.7**	22	TAV	12C8
4	Trần Thị Hồng	120367	6.4				7.5	5.2	**19.1**	125	TAV	12C5
5	Nguyễn Đình Hưng	120368	5.8				6.25	4.4	**16.5**	187	TAV	12C9
6	Vũ Mai Hương	120369	6.2				8.25	6.6	**21.1**	59	TAV	12C9
7	Lê Thị Hường	120370	7.6				7.25	6.2	**21.1**	58	TAV	12C9
8	Vũ Thị Hường	120371	5.8				7.75	5.4	**19**	130	TAV	12C12
9	Nguyễn Bá Huy	120372	7.6				7.5	6.6	**21.7**	46	TAV	12C10
10	Nguyễn Xuân Huy	120373	5.8				7.5	6.2	**19.5**	109	TAV	12C11
11	Nguyễn Thị Huyên	120374	6.8				8.25	5.4	**20.5**	85	TAV	12C9
12	Lê Thanh Huyền	120375	6.8				8.25	5.8	**20.9**	66	TAV	12C12
13	Trần Thương Huyền	120376	7.6				8.5	5.2	**21.3**	53	TAV	12C9
14	Vũ Thị Khánh Huyền	120377	8				7.5	4.6	**20.1**	97	TAV	12C9
15	Đinh Gia Khánh	120378	4.2				6.5	4.8	**15.5**	197	TAV	12C5
16	Lê Ngọc Khánh	120379	6					7	**13**	206	TAV	12C10
17	Nguyễn Thị Khánh	120380	5.4				7.25	6.2	**18.9**	133	TAV	12C8
18	Phùng Tuấn Khôi	120381	7.8				8	7.8	**23.6**	5	TAV	12C9
19	Lê Trung Kiên	120382	6				6.75	5.6	**18.4**	147	TAV	12C6
20	Hồ Hồng Lam	120383	6.8				7.75	6	**20.6**	79	TAV	12C9
21	Nguyễn Thị Liên	120384	5				6.75	5.4	**17.2**	174	TAV	12C5
22	Cao Phương Linh	120385									TAV	12C3
23	Đặng Ngọc Thùy Linh	120386	6.2				8	5.2	**19.4**	115	TAV	12C9
24	Đỗ Lê Thùy Linh	120387	6.4				8	3.8	**18.2**	149	TAV	12C12

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 17

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Hoàng Thị Linh	120388	7				8.5	5.4	**20.9**	65	TAV	12C10
2	Lê Khánh Linh	120389	6.8				8.5	4.2	**19.5**	109	TAV	12C12
3	Lê Khánh Linh	120390	6.2				8	4.2	**18.4**	143	TAV	12C12
4	Lê Thị Phương Linh	120391	6.6				7.75	6	**20.4**	88	TAV	12C9
5	Lê Thị Thùy Linh	120392	6.4				7.5	6.4	**20.3**	89	TAV	12C9
6	Lê Vũ Khánh Linh	120393	4				7	4.4	**15.4**	198	TAV	12C11
7	Lương Diệu Linh	120394	6.4				8	6.2	**20.6**	75	TAV	12C10
8	Ngô Khánh Linh	120395	5.8				7.5	8.6	**21.9**	40	TAV	12C12
9	Nguyễn Gia Linh	120396	5.4				8	6.2	**19.6**	106	TAV	12C11
10	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	120397	7.8				7.5	8.4	**23.7**	4	TAV	12C12
11	Nguyễn Khánh Linh	120398	6.6				7	3.8	**17.4**	169	TAV	12C9
12	Nguyễn Kim Yến Linh	120399	6.2				7.5	4	**17.7**	157	TAV	12C11
13	Nguyễn Lê Khánh Linh	120400	5.6				8.5	3.4	**17.5**	166	TAV	12C10
14	Nguyễn Thị Thùy Linh	120401	6.6				8	4.8	**19.4**	115	TAV	12C12
15	Nguyễn Vân Linh	120402	6.4				7.5	5	**18.9**	131	TAV	12C9
16	Phùng Mai Linh	120403	6				7.25	3.8	**17.1**	178	TAV	12C9
17	Trần Phương Linh	120404	6.6				7.5	6.6	**20.7**	68	TAV	12C10
18	Trịnh Thị Khánh Linh	120405	6				7.75	5.4	**19.2**	124	TAV	12C9
19	Trịnh Thị Thùy Linh	120406	5.8				7	4.2	**17**	179	TAV	12C11
20	Trịnh Thùy Linh	120407	6				7.5	4.2	**17.7**	157	TAV	12C4
21	Vũ Thị Hải Linh	120408	5.2				7.75	5	**18**	151	TAV	12C12
22	Vũ Thị Hiền Linh	120409	5.6				7.75	4.4	**17.8**	156	TAV	12C12
23	Vũ Thị Thùy Linh	120410	4.2				7	5	**16.2**	189	TAV	12C12
24	Lê Hoàng Long	120411	5.4				6.5	4.4	**16.3**	188	TAV	12C4

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 18

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Hồ Thị Ngọc Mai	120412	7				7.5	8.2	**22.7**	23	TAV	12C10
2	Nguyễn Quỳnh Mai	120413	7				7	6.6	**20.6**	75	TAV	12C3
3	Nguyễn Xuân Mai	120414	7				6.5	4.4	**17.9**	152	TAV	12C9
4	Trịnh Ngọc Mai	120415	6.8				7	6	**19.8**	100	TAV	12C12
5	Lê Hồng Minh	120416	8.2				7	5.8	**21**	60	TAV	12C9
6	Nguyễn Thị Bình Minh	120417	5.2				7	6.8	**19**	128	TAV	12C10
7	Phạm Hà My	120418	5.2				7	5.4	**17.6**	163	TAV	12C10
8	Nguyễn Lê Hoàng Nam	120419	5.2				7.5	5	**17.7**	157	TAV	12C10
9	Dương Thị Quỳnh Nga	120420	6.8				7.5	4.8	**19.1**	125	TAV	12C3
10	Nguyễn Phương Nga	120421	7.2				7.5	5.2	**19.9**	99	TAV	12C10
11	Nguyễn Phương Nga	120422	4.2				6.5	4.4	**15.1**	199	TAV	12C11
12	Phạm Thị Quỳnh Nga	120423	5.6				7.5	7.4	**20.5**	81	TAV	12C12
13	Dương Thị Ngân	120424	7				7.5	9	**23.5**	6	TAV	12C10
14	Nguyễn Linh Ngân	120425	5.8				7.5	4.8	**18.1**	150	TAV	12C10
15	Phạm Thanh Ngân	120426	7.4				7.75	6.8	**22**	39	TAV	12C12
16	Vũ Nguyễn Kim Ngân	120427	6.2				7.75	6	**20**	98	TAV	12C11
17	Mai Thị Bích Ngọc	120428	4.6				6.75	4.4	**15.8**	195	TAV	12C11
18	Trần Thị Hồng Ngọc	120429	7				7	6.4	**20.4**	87	TAV	12C2
19	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	120430	6.2				7.5	7	**20.7**	68	TAV	12C11
20	Lê Minh Nguyệt	120431	7.8				7.5	7.6	**22.9**	19	TAV	12C12
21	Hoàng Thị Thanh Nhàn	120432	8				7.5	7	**22.5**	28	TAV	12C10
22	Hoàng Yến Nhi	120433	6.6				7.25	5.6	**19.5**	114	TAV	12C10
23	Nguyễn Thảo Nhi	120434	6.8				7.25	7.6	**21.7**	47	TAV	12C7
24	Nguyễn Thị Vân Nhi	120435	4				7	3.2	**14.2**	203	TAV	12C11

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 19

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Thị Khánh Như	120436	3				7.75	6.4	**17.2**	174	TAV	12C12
2	Lê Thị Nhung	120437	6				7.25	2.8	**16.1**	190	TAV	12C11
3	Lê Thị Nhung	120438	5.8				7.5	5	**18.3**	148	TAV	12C11
4	Lường Thị Nhung	120439	4.6				5.5	3.8	**13.9**	205	TAV	12C4
5	Nguyễn Hồng Nhung	120440	7.6				8.75	5.6	**22**	38	TAV	12C10
6	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	120441	5.8				7	5.6	**18.4**	143	TAV	12C11
7	Trịnh Hồng Nhung	120442	5.2				7.75	6.4	**19.4**	117	TAV	12C11
8	Dương Thị Kim Oanh	120443	7.4				7.5	7.2	**22.1**	36	TAV	12C10
9	Nguyễn Hồng Phúc	120444	5.6				7	5	**17.6**	163	TAV	12C3
10	Nguyễn Minh Phúc	120445	5.2				7.5	3.2	**15.9**	192	TAV	12C7
11	Lê Minh Phương	120446	7.2				8.5	8.2	**23.9**	3	TAV	12C5
12	Lê Việt Phương	120447	7.2				7.5	7.6	**22.3**	33	TAV	12C7
13	Mai Thị Thu Phương	120448	5.8				8	2.8	**16.6**	184	TAV	12C9
14	Nguyễn Lan Phương	120449	5.8				7.25	4.6	**17.7**	161	TAV	12C9
15	Nguyễn Thị Hà Phương	120450	4.2				7.25	4.4	**15.9**	193	TAV	12C11
16	Nguyễn Thị Thu Phương	120451	5.2				8.5	5.6	**19.3**	119	TAV	12C10
17	Hoàng Thị Đan Phượng	120452	6.4				7	6.4	**19.8**	100	TAV	12C5
18	Lê Anh Quân	120453	6.6				7	4.8	**18.4**	143	TAV	12C9
19	Lê Ngọc Quý	120454	6				7	6.2	**19.2**	122	TAV	12C7
20	Đàm Như Quỳnh	120455	6.8				8.5	7	**22.3**	32	TAV	12C12
21	Đỗ Như Quỳnh	120456	5				5.25	3.8	**14.1**	204	TAV	12C9
22	Đoàn Như Quỳnh	120457	6.2				8.25	4.8	**19.3**	120	TAV	12C12
23	Lê Thị Quỳnh	120458	7.2				7.75	5.6	**20.6**	80	TAV	12C12
24	Nguyễn Thị Quỳnh	120459	6.6				7.75	5.2	**19.6**	107	TAV	12C9

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 20

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Tào Trương Phương Quỳnh	120460	8.4				7.5	7.2	**23.1**	16	TAV	12C10
2	Trịnh Thanh Tâm	120461	6.8				7.25	6.4	**20.5**	85	TAV	12C10
3	Nguyễn Văn Thành	120462	7				5.75	8.2	**21**	64	TAV	12C10
4	Đỗ Thị Phương Thảo	120463	7.4				4.5	7.6	**19.5**	109	TAV	12C10
5	Hoàng Phương Thảo	120464	6.8				8	7.4	**22.2**	34	TAV	12C9
6	Lê Thị Huyền Thảo	120465	6				7.75	2.8	**16.6**	186	TAV	12C11
7	Ngô Thị Thu Thảo	120466	6.6				8.75	6	**21.4**	52	TAV	12C11
8	Trương Phương Thảo	120467	6.8				6.5	7.2	**20.5**	81	TAV	12C11
9	Nguyễn Văn Thiện	120468	3				3	2.4	**8.4**	209	TAV	12C8
10	Trần Thị Thoa	120469	4.2				6.25	4	**14.5**	202	TAV	12C4
11	Nguyễn Thị Thơm	120470	8				6.25	5.4	**19.7**	104	TAV	12C9
12	Đoàn Thị Thu	120471	7.2				7.25	3.2	**17.7**	161	TAV	12C4
13	Phan Anh Thư	120472	6.8				7.75	7.8	**22.4**	31	TAV	12C10
14	Lê Thị Huyền Thương	120473	6.8				7.25	6.6	**20.7**	72	TAV	12C5
15	Nguyễn Thị Thương	120474	8				8	5	**21**	60	TAV	12C9
16	Tạ Vi Thương	120475	5.4				6.75	5.2	**17.4**	170	TAV	12C11
17	Đặng Ngọc Thúy	120476	5.6				7.5	4.8	**17.9**	152	TAV	12C12
18	Lương Lệ Thủy	120477	6.2				7.25	3.8	**17.3**	173	TAV	12C9
19	Lê Thị Thủy Tiên	120478	7.8				7	7.4	**22.2**	34	TAV	12C12
20	Lê Thị Tiếp	120479	5.4				7	4.2	**16.6**	184	TAV	12C4
21	Lê Khánh Toàn	120480	5				5.5	6.2	**16.7**	183	TAV	12C12
22	Nguyễn Thị Thu Trà	120481	5.6				6.5	5.8	**17.9**	152	TAV	12C5
23	Hồ Thị Thùy Trang	120482	6.4				7.75	5.6	**19.8**	102	TAV	12C9
24	Hoàng Thị Thu Trang	120483	4.4				6.75	6.2	**17.4**	170	TAV	12C11

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 21

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Thị Thu Trang	120484	6.6				7.5	8.6	**22.7**	23	TAV	12C10
2	Lê Thị Thu Trang	120485	7				8.5	7.8	**23.3**	9	TAV	12C12
3	Nguyễn Phương Trang	120486	6.8				7.75	8.2	**22.8**	21	TAV	12C9
4	Nguyễn Thị Thu Trang	120487	7.2				7.5	8	**22.7**	23	TAV	12C11
5	Phạm Hà Trang	120488	7.8				7.25	8	**23.1**	17	TAV	12C7
6	Phạm Thu Trang	120489	6.4				7.5	8	**21.9**	40	TAV	12C1
7	Thiều Thị Huyền Trang	120490	5.4				6.5	5.8	**17.7**	157	TAV	12C9
8	Tô Thị Khánh Trang	120491	5.4				8	5.6	**19**	128	TAV	12C11
9	Vũ Thùy Trang	120492	6.4				6.5	6.8	**19.7**	103	TAV	12C11
10	Ngô Kiều Trinh	120493	5.2				7		**12.2**	207	TAV	12C8
11	Lê Anh Trình	120494	6.4				7	5.8	**19.2**	122	TAV	12C12
12	Lê Thanh Tú	120495	6.4				5.5	5.6	**17.5**	166	TAV	12C6
13	Lê Văn Tuấn	120496	6.6				7.5	5.4	**19.5**	109	TAV	12C11
14	Hoàng Thị Mỹ Uyên	120497	6.8				7	7.8	**21.6**	48	TAV	12C5
15	Mai Ngọc Uyên	120498	7.6				8.5	8.4	**24.5**	2	TAV	12C10
16	Nguyễn Thảo Vân	120499	7.4				6.25	7	**20.7**	72	TAV	12C9
17	Dương Thị Hà Vi	120500	7.6				8.25	7.4	**23.3**	14	TAV	12C11
18	Đàm Long Vũ	120501	3.8				6	5	**14.8**	201	TAV	12C9
19	Nguyễn Thị Tường Vy	120502	7				7.75	7	**21.8**	44	TAV	12C4
20	Bùi Hải Yến	120503	7.4				7.75	7.8	**23**	18	TAV	12C9
21	Đỗ Hải Yến	120504	6				5.5	5.6	**17.1**	176	TAV	12C10
22	Phạm Thị Hải Yến	120505	5.6				7	6.2	**18.8**	135	TAV	12C8

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 22

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Đào Đức Anh	120506	3.8				5.5	3.4	**12.7**		TAV	
2	Nguyễn Thị Phương Anh	120507	6.4				6.25	4.6	**17.3**		TAV	
3	Lê Thu Dung	120508	5.6				7.5	5.2	**18.3**		TAV	
4	Thư Thanh Dung	120509	9.2				8.75	8.8	**26.8**		TAV	
5	Nguyễn Tuấn Dũng	120510	6.2				5.75	3	**15**		TAV	
6	Nguyễn Đăng Trung Hải	120511	6				5.5	4.4	**15.9**		TAV	
7	Hoàng Ngọc Hiền	120512	6.4				8	6	**20.4**		TAV	
8	Thiều Khánh Hòa	120513	7.8				7.5	7	**22.3**		TAV	
9	Lê Huy Hùng	120514	4.2				6	3.8	**14**		TAV	
10	Lê Văn Hùng	120515	6.8						**6.8**		TAV	
11	Nguyễn Xuân Hùng	120516									TAV	
12	Nguyễn Khánh Huyền	120517	7				6.5	5.6	**19.1**		TAV	
13	Lê Mai Hương	120518	7.4					7.8	**15.2**		TAV	
14	Lê Thị Hương	120519	7					7	**14**		TAV	
15	Lê Thị Như Hương	120520	6.8					6.4	**13.2**		TAV	
16	Phạm Quỳnh Hương	120521	7.2					6.8	**14**		TAV	
17	Phan Thanh Hương	120522	7.2					7.6	**14.8**		TAV	
18	Phan Thị Hương	120523	5.2				3.5	6	**14.7**		TAV	
19	Nguyễn Thúy Kiều	120524	4.2				7.75	3.2	**15.2**		TAV	
20	Trịnh Mỹ Kiều	120525	4.8					3.4	**8.2**		TAV	
21	Vũ Diễm Kiều	120526	4.6				6.75	3.4	**14.8**		TAV	
22	Lê Thiên Khánh	120527	3.4				6.5	2.8	**12.7**		TAV	
23	Trần Kim Ngân	120528	5				7.25	7.4	**19.7**		TAV	
24	Lê Hà Trang	120529	6.6				8	4	**18.6**		TAV	

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 23

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Lê Đức Khiêm	120530	5.8				6	2.8	**14.6**		TAV	
2	Lê Quang Linh	120531									TAV	
3	Lê Quang Lộc	120532									TAV	
4	Lê Mai	120533	6.2				6.75	5.8	**18.8**		TAV	
5	Lê Ngọc Minh	120534	5				6.75	6.2	**18**		TAV	
6	Đặng Đình Nam	120535	4.8				6.25	5.2	**16.3**		TAV	
7	Nguyễn Thu Ngân	120536					3.5	4.4	**7.9**		TAV	
8	Hoàng Minh Ngọc	120537	6.6					6.4	**13**		TAV	
9	Mai An Nguyên	120538	6.6				8	3.6	**18.2**		TAV	
10	Mai Thảo Nguyên	120539	6				7.75	3.8	**17.6**		TAV	
11	Phùng Thảo Nguyên	120540	6.6				8	4.8	**19.4**		TAV	
12	Hoàng Minh Nguyệt	120541	8.2				8	8	**24.2**		TAV	
13	Ngô Minh Nguyệt	120542	3.2				6.25	3	**12.5**		TAV	
14	Bùi Bích Phương	120543									TAV	
15	Hà Phương	120544	7.4				7.25	7.2	**21.9**		TAV	
16	Trần Mai Quyên	120545	5.8				7.25	5.4	**18.5**		TAV	
17	Đinh Như Quỳnh	120546	6.4				7.75	6.8	**21**		TAV	
18	Nguyễn Thị Tiền	120547	5.8				7.5	8	**21.3**		TAV	
19	Lý Tiểu Thanh	120548	3.8				5.5	3	**12.3**		TAV	
20	Nguyễn Đại Thanh	120549	4.6				6	3.6	**14.2**		TAV	
21	Nguyễn Tiến Thanh	120550	4				5	3.6	**12.6**		TAV	
22	Lê Thu Uyên	120551	6.2				7	3.2	**16.4**		TAV	
23	Lê Hoàng Yến	120552									TAV	

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 24

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Trần Anh An	120553	8.2	8	8.25				**24.5**		TLH	
2	Bùi Đức Anh	120554	5.2	2	5.75				**13**		TLH	
3	Hà Tuấn Anh	120555	8.4	6.75	8.25				**23.4**		TLH	
4	Lê Nguyên Anh	120556	5.4	2.75	3.25				**11.4**		TLH	
5	Lê Thanh Bình	120557	6.6	6.5	8				**21.1**		TLH	
6	Đặng Thị Cúc	120558	7.2	7.25	9				**23.5**		TLH	
7	Nguyễn Hữu Cường	120559	4.8	2.75	4.5				**12.1**		TLH	
8	Nguyễn Quảng Cường	120560	2.4	2.25	4.25				**8.9**		TLH	
9	Nguyễn Văn Cường	120561	8.4	7.25	8				**23.7**		TLH	
10	Phạm Quang Cường	120562	5.4	2.5	2.75				**10.7**		TLH	
11	Lê Tiến Dũng	120563	7	6.25	6				**19.3**		TLH	
12	Lê Văn Đạo	120564	7.8	7	6.75				**21.6**		TLH	
13	Phan Tiến Đạt	120565	8.4	7	9.75				**25.2**		TLH	
14	Nguyễn Thị Hương Giang	120566	7.4	6.25	5.25				**18.9**		TLH	
15	Hoàng Quang Hải	120567	5.6	4.25	7.25				**17.1**		TLH	
16	Lữ Ngọc Hân	120568	5	1.25	3.75				**10**		TLH	
17	Lê Trung Hiếu	120569	7.2	6.75	8				**22**		TLH	
18	Đặng Hoài Hoài	120570	8.2	6.75	7				**22**		TLH	
19	Trần Hoài Hoài	120571	7.6	7.5	9.25				**24.4**		TLH	
20	Nguyễn Đình Huấn	120572	8	6.75	8				**22.8**		TLH	
21	Trịnh Quang Huy	120573	7.2	6.25	8				**21.5**		TLH	
22	Nguyễn Ngọc Huyền	120574	8	7.75	8.5				**24.3**		TLH	
23	Phạm Minh Hy	120575	4.6	3.75	4.75				**13.1**		TLH	
24	Phan Minh Hy	120576	5	2.75	3.25				**11**		TLH	
25	Bùi Gia Kiên	120577									TLH	
26	Lê Trung Kiên	120578	7.2	2.75	3.5				**13.5**		TLH	
27	Nguyễn Minh Kiên	120579	5.2	3.75	4.75				**13.7**		TLH	

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 25

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Tào Đăng Khoa	120580	8.4	8	8.5				**24.9**		TLH	
2	Nguyễn Ngọc Lam	120581	5.4				7.75	4.8	**18**		TAV	
3	Nguyễn Long Lân	120582	7.4	6	8.25				**21.7**		TLH	
4	Lê Bảo Linh	120583	8.4				8.25	7.6	**24.3**		TAV	
5	Lê Chí Linh	120584	7.2				7.5	8	**22.7**		TAV	
6	Lê Vũ Tuấn Linh	120585									TLH	
7	Ngô Thùy Linh	120586	8.8				7.25	8.6	**24.7**		TAV	
8	Nguyễn Phương Linh	120587	7.4				7.25	6.4	**21.1**		TAV	
9	Nguyễn Thị Linh	120588	6.2	4.5	8.25				**19**		TLH	
10	Lê Thị Loan	120589	6.6	7.25	6.25				**20.1**		TLH	
11	Bùi Phi Long	120590	8.8	8.5	9				**26.3**		TLH	
12	Bùi Phi Long	120591	8	8.75	7				**23.8**		TLH	
13	Bùi Phi Long	120592	8	8.75	8.5				**25.3**		TLH	
14	Nguyễn Tường Mai	120593	7				6.75	7.6	**21.4**		TAV	
15	Lê Trịnh Hiền Minh	120594	8	7.75	9.5				**25.3**		TLH	
16	Nguyễn Quang Minh	120595	8	7.25	8.75				**24**		TLH	
17	Trịnh Tuấn Minh	120596									TLH	
18	Bùi Công Nam	120597	7.2	5.75	5.75				**18.7**		TLH	
19	Đinh Quang Nam	120598	6.6	6.75	8.5				**21.9**		TLH	
20	Mai Văn Tiến	120599	8.6	9	9.75				**27.4**		TLH	
21	Lê Kim Tuyến	120600	6.6	6.75	6.75				**20.1**		TLH	
22	Lê Minh Thiện	120601	7.4	8.75	9.25				**25.4**		TLH	
23	Nguyễn Thế Thủy	120602	8	7.5	10				**25.5**		TLH	
24	Trần Quốc Thủy	120603	6.8	6.5	8.75				**22.1**		TLH	
25	Đỗ Ngọc Thúy	120604	8.4	7.75	8.5				**24.7**		TLH	
26	Nguyễn Thị Ngọc Trang	120605	7	3.25	4.25				**14.5**		TLH	
27	Vũ Hoàng Yến	120606									TLH	

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 26

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Dương Bảo Anh	120607	7.4	7.25				5.6	**20.3**		TLA	
2	Hoàng Mai Anh	120608	6.8	4.25				3.8	**14.9**		TLA	
3	Lê Tùng Anh	120609	2.2	3.75				2.4	**8.35**		TLA	
4	Nguyễn Phương Anh	120610	6.6	4				4	**14.6**		TLA	
5	Trần Thùy Anh	120611	5.8	5				3.2	**14**		TLA	
6	Trịnh Lan Anh	120612	6.4	5.75				5	**17.2**		TLA	
7	Trịnh Vân Anh	120613	7.4	6				5.4	**18.8**		TLA	
8	Lê Hữu Cường	120614	4	5.25				2.8	**12.1**		TLA	
9	Nguyễn Đức Dũng	120615	8.4	7.25				8.8	**24.5**		TLA	
10	Nguyễn Ngọc Hân	120616	6.6	4				3.4	**14**		TLA	
11	Lê Đức Hậu	120617	8	7.25				6.8	**22.1**		TLA	
12	Nguyễn Ngọc Hùng	120618	7.4	6.5				6.6	**20.5**		TLA	
13	Lê Thị Khánh Huyền	120619	7.8	7.25				7.2	**22.3**		TLA	
14	Vũ Tuấn Kiệt	120620	6.6	6.5				5.4	**18.5**		TLA	
15	Nguyễn Văn Khánh	120621	7.4	6				5.8	**19.2**		TLA	
16	Lê Hạnh Mai	120622	7.8	6.75				8	**22.6**		TLA	
17	Hoàng Tiểu Minh	120623	8.4	6.25				6	**20.7**		TLA	
18	Nguyễn Thị My	120624	7.6	6.75				5.4	**19.8**		TLA	
19	Nguyễn Hoàng Nam	120625	8	7.75				8	**23.8**		TLA	
20	Trần Bích Ngọc	120626	7.8					7.6	**15.4**		TLA	
21	Hoàng Thảo Nhi	120627	7.8	7.25				5.6	**20.7**		TLA	
22	Hoàng Thị Nhi	120628	8.4	8				7.2	**23.6**		TLA	
23	Hoàng Trang Nhi	120629	9	7				7.4	**23.4**		TLA	
24	Nguyễn Khắc Toàn	120630	6.8	7.5				7.4	**21.7**		TLA	
25	Phạm Ngọc Tuấn	120631	7.8	5.5				7.4	**20.7**		TLA	
26	Nguyễn Tiến Tùng	120632	7	8.25				8	**23.3**		TLA	
27	Nguyễn Thế Tùng	120633	7.4	4.75				6.8	**19**		TLA	

KẾT QUẢ KSCL THEO KHỐI THI KỲ THI THPT QUỐC GIA NĂM 2019

Phòng số 27

STT	Họ và tên	SBD	Toán	Lý	Hóa	Sinh	Văn	Anh	Tổng	Hạng	Khối	Lớp
1	Nguyễn Văn Tùng	120634	6.2	5.5				6.8	**18.5**		TLA	
2	Nguyễn Minh Thái	120635	7.8	7.5				8.2	**23.5**		TLA	
3	Vũ Minh Thanh	120636	8	7.25				6.6	**21.9**		TLA	
4	Nguyễn Lê Phương Thảo	120637	6.4	4.5				5.6	**16.5**		TLA	
5	Vũ Thị Vân Trang	120638	7.8	6.5				7.6	**21.9**		TLA	
6	Vũ Thành Trung	120639	4.2	4.75				6.6	**15.6**		TLA	
7	Nguyễn Thị Thúy Vy	120640	6.6	4.75				3.4	**14.8**		TLA	
8	Lê Thị Lan Anh	120641	8.6	7.5	7.5			5.2	**23.6**		TLH	
9	Mai Tôn Kiên	120642	7	6.25	2.75			6.6	**19.9**		TLH	
10	Bùi Phi Long	120643	7	8				7	**22**		TLH	
11	Trần Lê Minh	120644	8.2	7.75	5			8.6	**24.6**		TLH	
12	Hà Phương Nam	120645	6.6	7.25	8.5			6.8	**22.4**		TLH	
13	Vũ Đào Nguyên	120646	8.6	9	8.75	6.25			**26.4**		TLHS	
14	Lê Minh Phương	120647	8.2		8.25			7	**23.5**		THA	
15	Nguyễn Lan Anh	120648	5.4		6.25	4.75			**16.4**		THS	
16	Nguyễn Tuấn Anh	120649	7.8		8.5	8.25			**24.6**		THS	
17	Vũ Tiến Công	120650	8		8	8.5			**24.5**		THS	
18	Phạm Thùy Dung	120651	7		7.75	8			**22.8**		THS	
19	Hà Anh Dũng	120652	7.8		7.75	9			**24.6**		THS	
20	Nguyễn Danh Tuyến	120653	7.8		8.75	9			**25.6**		THS	
21	Phạm Thị Thảo Vân	120654	7.8		8.5	8.25			**24.6**		THS	
22	Hoàng Thị Hải Yến	120655	6.6		6.75	5.75			**19.1**		THS	
23	Trương Văn Chung	120656	4.4		5.75	6.5			**16.7**		THS	
24	Hà Thị Duyên	120657	5.2		5.5	6.25			**17**		THS	
25	Mai Thị Duyên	120658	6.4		6.75	6.75			**19.9**		THS	
26	Nguyễn Thu Huyền	120659									THS	
27	Nguyễn Lâm	120660	4.6		3.5	7			**15.1**		THS	
28	Nguyễn Hữu Lâm	120661	7		9.75	7.75			**24.5**		THS	
29	Lê Khánh Trang	120662	8		7.25	8			**23.3**		THS	
30	Trần Thị Linh	120663									TLA	
31	Nguyễn Thu Hằng	120664									TLH	
32	Trịnh Quang Huy	120665		5.75					**5.75**		TLH	
33	Lê Trịnh Minh Hiền	120666									TLH	
34	Hoàng Phi Long	120667	8.4	8.25	9				**25.7**		TLH	
35	Lê Hà Uyên	120668	8.4		7.75	8.5			**24.7**		THS	